



Thứ sáu, ngày 16 tháng 11 năm 2018

Vietnam Daily Review

Tín hiệu tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/11/2018		•	
Week 19/11-23/11/2018		•	
Tháng 11/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động tăng ở phiên sáng, ở phiên chiều, chỉ số tăng nhẹ.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm GAS (+2.74 điểm); BID (+1.27 điểm); VPB (+0.99 điểm); CTG (+0.81 điểm); HDB (+0.59 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VHM (-4.49 điểm); VIC (-1.59 điểm); VNM (-1.08 điểm); NVL (-0.61 điểm); VRE (-0.23 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu đầu khí và giáo dục, thanh khoản tăng so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2638.8 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 9.04 điểm. Thị trường có 175 mã tăng và 102 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 1.04 điểm, đóng cửa tại 898.19 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 2 điểm lên 103.01 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 127.98 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (44.74 tỷ), VCB (41.31 tỷ) và HPG (27.13 tỷ). Ngoài ra, họ đã mua ròng 2.36 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index biến động và tăng điểm với lực đỡ ở nhóm cổ phiếu đầu khí như GAS, PLX và 1 số cổ phiếu ngân hàng: BID, CTG, MBB và TCB. Đến phiên chiều, chỉ số VN-Index giao động và tăng nhẹ. Tuy nhiên một số cổ phiếu bluechips có lực bán ròng mạnh VHM và VIC. Theo quan điểm BSC, thị trường hồi phục nhẹ ở phiên cuối tuần sau 3 phiên giảm điểm liên tiếp và tiếp tục đi ngược xu thế khu vực như phiên hôm qua. Tuy nhiên tâm lý của nhà đầu tư vẫn tiếp tục duy trì ở mức yếu do thanh khoản vẫn ở mức thấp và khối ngoại vẫn duy trì bán ròng. Nhà đầu tư nên tiếp tục theo dõi thêm các thông tin thị trường về các diễn biến brexit và tiến trình đàm phán thương mại Trung- Mỹ sơ bộ trước thềm cuộc họp G20.

Phân tích kỹ thuật:

BMP_Đi ngang

(Vui lòng tải và xem trang 2)

Câu chuyện cuối tuần

CÀM LÁI

(Vui lòng tải và xem trang 3)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX

898.19

Giá trị: 2638.8 tỷ

1.04 (0.12%)

Khối ngoại (ròng): -127.98 tỷ

HNX-INDEX

103.01

Giá trị: 480.93 tỷ

1.99 (1.97%)

Khối ngoại (ròng): 2.36 tỷ

UPCOM-INDEX

52.01

Giá trị: 256.4 tỷ

0.76 (1.48%)

Khối ngoại (ròng): 2.47 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	57.2	1.33%
Giá vàng	1,216	0.20%
Tỷ giá USD/VND	23,301	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,395	-0.01%
Tỷ giá JPY/VND	20,549	0.23%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
BID	35.0	VIC	44.7
GMD	18.0	VCB	41.3
KDC	11.8	HPG	27.1
SBT	9.6	QT	23.6
HDB	8.7	VJC	15.0

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

Trang 1

Phân tích kỹ thuật

Trang 2

Câu chuyện cuối tuần

Trang 3

Danh mục khuyến nghị

Trang 4

Cổ phiếu lớn

Trang 5

Thống kê thị trường

Trang 6

Báo cáo mới nhất

Trang 7

Khuyến cáo sử dụng

Trang 8

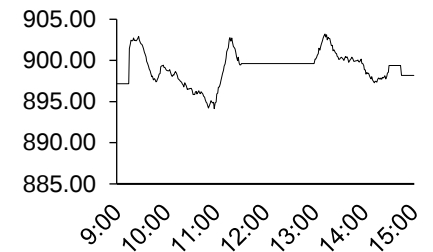
Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Lê Quốc Trung

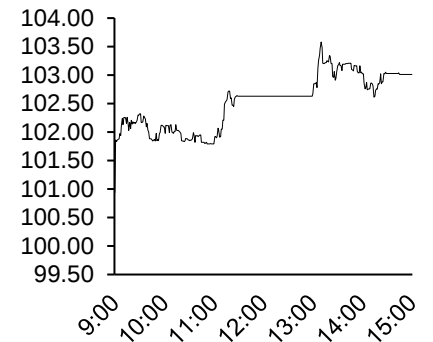
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1812	870.0	0.4%	78.7%
VN30F1901	463.0	#DIV/0!	#DIV/0!
VN30F1903	869.0	0.1%	-63.7%
VN30F1906	873.0	0.7%	7.9%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	20	6.8	3.8
MBB	21	3.9	1.5
GAS	95	5.1	0.7
CTG	22	3.3	0.4
HPG	35	0.6	0.4

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	90	-2	-1.6
VNM	115	-2	-1.5
NVL	70	-3	-1.2
VRE	30	-1	-0.7
VCB	53	0	-0.1

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
HNG	6.8	16.0	14	17	NGỪNG MUA	Tăng giá trong dài hạn
MBB	4.7	21.3	20	22	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
PVS	4.7	19.1	18	20	MUA	Tăng giá trong dài hạn
VPB	4.6	20.3	20	22	MUA	Giảm giá kéo dài
HPG	3.6	35.2	34	40	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
MWG	3.0	107.2	105	114	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
CTG	2.9	22.0	21	24	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VJC	2.7	127.9	121	138	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
GMD	2.7	28.8	24	29	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
QNS	2.4	42.7	40	45	MUA	Tăng giá kéo dài

Phân tích kỹ thuật

BMP_ Đi ngang

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Duy trì dưới mức 0
- Chỉ báo RSI: Chạm kênh Bollinger dưới
- MA: Các đường MA20, MA50, MA100 cắt nhau

Nhận định: BMP là cổ phiếu thuộc ngành Nhựa hiện đang trong chu kỳ tích lũy ngắn hạn. Chỉ báo RSI vừa chạm kênh Bollinger dưới, chỉ báo MACD duy trì dưới mức 0. Các đường MA có xu hướng cắt nhau cho thấy BMP đang trong chu kỳ tích lũy. Giá cổ phiếu BMP cách đây khoảng 1 tháng vừa có một đợt tăng giá đáng kể, liên tục vượt qua các đỉnh cũ, báo hiệu xu hướng phục hồi. Tại thời điểm hiện tại, BMP liên tục phản ứng tại vùng hỗ trợ 54.4, nếu BMP giá qua mức hỗ trợ này, nhiều khả năng sẽ bước vào chu kỳ giảm giá trung hạn.



Câu chuyện cuối tuần

CẦM LÁI...

_Nguồn: Sưu tầm

Hai người say rượu nói với nhau: “Mày phóng vừa thôi, tao chưa muốn chết đâu”.

Người kia ngạc nhiên: tao có cầm lái đâu..

- Ủa tao tưởng mày lái! Nãy giờ sợ gần chết mà không dám nói.

- !!!!!

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	31.10	-4.9%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	13.50	7.1%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	62.70	-2.0%	58.9	73.6
Trung bình					0.1%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	21.25	54.0%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	35.20	38.2%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	55.10	31.5%	39.8	60.0
Trung bình					41.2%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	17.0	52.7%	17.0	22.7
2	TCB	31/10/2018	26.9	25.7	-4.5%	25.0	30.0
Trung bình					24.1%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	107.2	0.2%	0.7	1,505	3.0	8,641	12.4	4.2	49.0%	41.2%	
PNJ	Bán lẻ	93.0	1.1%	1.0	656	0.9	5,428	17.1	4.5	49.0%	30.0%	
BVH	Bảo hiểm	94.8	0.9%	1.3	2,889	0.2	1,728	54.9	4.6	24.8%	8.4%	
PVI	Bảo hiểm	31.5	0.0%	0.8	317	0.0	2,265	13.9	1.1	43.9%	7.8%	
VIC	Bất động sản	90.1	-1.7%	1.0	12,503	3.5	1,366	65.9	5.2	9.7%	10.3%	
VRE	Bất động sản	30.0	-1.3%	1.1	3,038	1.2	646	46.5	2.7	31.5%	5.7%	
NVL	Bất động sản	69.7	-3.2%	0.8	2,750	0.5	2,368	29.4	3.6	7.7%	14.2%	
REE	Bất động sản	31.1	1.3%	1.1	419	0.2	5,068	6.1	1.1	49.0%	19.1%	
DXG	Bất động sản	25.0	0.6%	1.5	380	1.4	3,042	8.2	1.9	47.4%	25.9%	
SSI	Chứng khoán	27.7	0.4%	1.4	601	1.7	2,899	9.6	1.5	57.9%	15.8%	
VCI	Chứng khoán	49.9	1.4%	1.0	354	0.1	4,289	11.6	2.7	41.4%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	55.1	-1.6%	1.4	310	0.3	6,094	9.0	2.3	62.2%	27.8%	
FPT	Công nghệ	42.8	1.3%	0.9	1,140	1.2	5,322	8.0	2.2	49.0%	28.9%	
FOX	Công nghệ	51.0	0.0%	0.4	501	0.0	3,453	14.8	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	95.0	5.1%	1.5	7,905	2.4	6,473	14.7	4.3	3.5%	30.6%	
PLX	Dầu khí	56.4	2.5%	1.5	2,842	1.0	3,285	17.2	3.3	11.0%	19.5%	
PVS	Dầu khí	19.1	3.8%	1.8	397	4.7	1,747	10.9	0.8	20.9%	7.8%	
BSR	Dầu khí	15.2	2.0%	0.8	2,049	1.4	#N/A	N/A	N/A	N/A	34.9%	23.0%
DHG	Dược	82.3	0.0%	0.5	468	0.3	4,037	20.4	3.7	49.1%	18.3%	
DPM	Hóa chất	18.9	-1.0%	0.9	322	0.1	1,492	12.7	0.9	21.1%	8.1%	
DCM	Hóa chất	9.5	1.0%	0.7	220	0.1	997	9.6	0.8	4.0%	8.6%	
VCB	Ngân hàng	53.2	-0.4%	1.3	8,322	2.9	3,360	15.8	3.1	20.8%	20.9%	
BID	Ngân hàng	32.2	3.9%	1.7	4,786	3.3	2,401	13.4	2.2	2.8%	17.4%	
CTG	Ngân hàng	22.0	3.3%	1.6	3,553	2.9	2,064	10.6	1.2	30.0%	11.7%	
VPB	Ngân hàng	20.3	6.8%	1.2	2,168	4.6	2,820	7.2	1.7	23.2%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	21.3	3.9%	1.2	1,996	4.7	2,366	9.0	1.5	20.0%	17.4%	
ACB	Ngân hàng	28.5	3.6%	1.2	1,545	4.3	3,498	8.1	1.8	34.3%	25.0%	
BMP	Nhựa	55.5	1.3%	0.9	198	0.1	5,586	9.9	1.8	77.4%	18.5%	
NTP	Nhựa	44.5	1.6%	0.5	173	0.0	3,938	11.3	1.9	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	21.7	3.8%	1.2	848	0.1	229	94.8	1.7	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	35.2	0.6%	0.9	3,251	3.6	4,334	8.1	1.9	39.7%	26.7%	
HSG	Thép	7.4	2.5%	1.4	123	0.7	1,065	6.9	0.6	17.4%	8.0%	
VNM	Tiêu dùng	115.0	-1.7%	0.6	8,707	2.9	4,997	23.0	7.9	58.8%	35.2%	
SAB	Tiêu dùng	245.0	0.0%	0.8	6,831	0.5	6,902	35.5	9.4	9.8%	28.5%	
MSN	Tiêu dùng	79.6	0.3%	1.2	4,026	1.4	5,416	14.7	4.8	40.3%	30.9%	
SBT	Tiêu dùng	21.6	2.1%	0.7	465	4.9	869	24.9	1.8	10.6%	11.3%	
ACV	Vận tải	81.4	1.2%	0.8	7,705	0.0	1,883	43.2	6.5	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	127.9	0.2%	1.1	3,012	2.7	9,463	13.5	6.5	23.9%	67.1%	
HVN	Vận tải	31.4	1.3%	1.7	1,704	0.3	1,727	18.2	2.6	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	28.8	0.5%	0.9	371	2.7	6,311	4.6	1.5	47.2%	30.8%	
PVT	Vận tải	17.0	0.0%	0.8	207	0.1	2,165	7.8	1.3	34.4%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	73.4	0.8%	1.0	511	1.2	5,620	13.1	4.2	2.5%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	15.7	1.9%	0.9	306	0.3	1,179	13.3	1.1	24.7%	8.7%	
HT1	Vật liệu xây dựng	13.5	0.7%	0.8	224	0.1	1,599	8.4	1.0	5.1%	12.2%	
CTD	Xây dựng	147.9	1.6%	0.8	503	0.4	20,202	7.3	1.4	44.4%	21.1%	
VCG	Xây dựng	18.2	5.8%	1.3	350	1.3	2,384	7.6	1.2	0.0%	17.6%	
CII	Xây dựng	26.2	3.8%	0.6	278	1.1	332	78.7	1.3	54.4%	1.7%	
POW	Điện	14.2	6.0%	0.6	1,446	1.2	1,026	13.8	1.2	72.0%	9.1%	
NT2	Điện	25.3	-1.4%	0.6	317	0.0	2,874	8.8	2.0	21.8%	19.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	95.00	5.09	2.75	580710.00
BID	32.20	3.87	1.28	2.34MLN
VPB	20.30	6.84	1.00	5.33MLN
CTG	21.95	3.29	0.81	3.06MLN
HDB	29.95	6.96	0.60	3.33MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	28.50	3.64	1.25	3.52MLN
SHB	7.40	2.78	0.21	4.10MLN
PVS	19.10	3.80	0.17	5.71MLN
SHN	11.00	10.00	0.11	530600.00
VCG	18.20	5.81	0.07	1.60MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	71.20	-5.70	-4.49	788790.00
VIC	90.10	-1.74	-1.59	895700.00
VNM	115.00	-1.71	-1.09	566540.00
NVL	69.70	-3.19	-0.65	178570.00
VRE	30.00	-1.32	-0.24	946970.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	46.00	-2.13	-0.04	237900.00
PGS	30.00	-2.91	-0.03	100.00
TVC	12.00	-4.00	-0.02	250700.00
BVS	12.30	-4.65	-0.02	16000.00
SGC	74.20	-6.67	-0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXV	3.83	6.98	0.00	1720.00
NAV	9.05	6.97	0.00	17110.00
TNI	9.36	6.97	0.01	1.69MLN
HDB	29.95	6.96	0.60	3.33MLN
TVT	25.35	6.96	0.01	68260.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.70	16.67	0.00	202400.00
NHP	1.00	11.11	0.00	4800.00
BII	1.10	10.00	0.01	253400.00
BTW	13.20	10.00	0.00	200.00
ECI	9.90	10.00	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLL	23.25	-7.00	-0.02	10.00
CLW	19.50	-6.92	-0.01	3920.00
SSC	52.60	-6.90	-0.02	180.00
AGM	14.25	-6.86	-0.01	29650.00
DAT	15.75	-6.80	-0.02	60.00

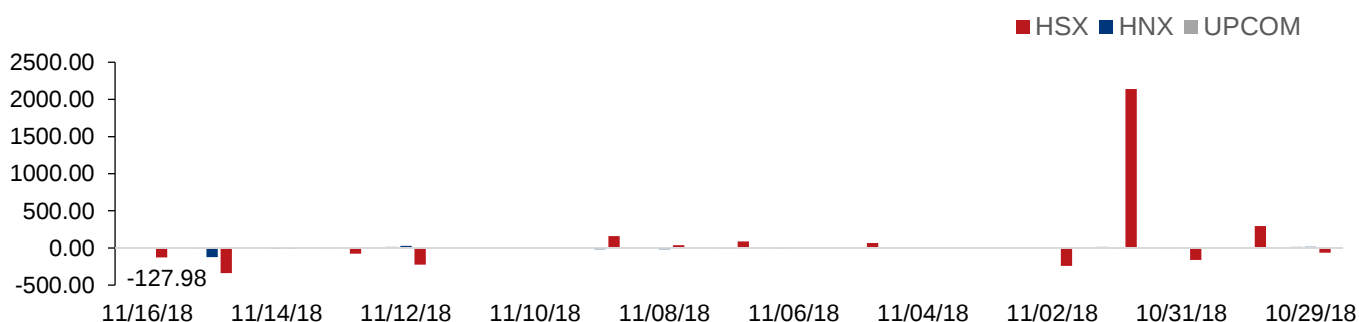
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.70	-12.50	0.00	730100.00
SPI	0.80	-11.11	0.00	49800.00
DCS	0.90	-10.00	-0.01	90400.00
VNF	22.60	-9.96	-0.01	100.00
TMX	8.30	-9.78	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	15.1	157	95.7	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	25.3	2,874	8.8	2.0	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.6	1,102	12.3	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	27.0	-2,092	#N/A	2.2	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	28.5	3,498	8.1	1.8	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	40.5	5,746	7.0	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	14.5	1,087	13.3	1.2	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	17.0	2,165	7.8	1.3	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	35.2	4,334	8.1	1.9	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	25.0	3,042	8.2	1.9	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	19.0	3,200	5.9	1.3	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	30.0	5,796	5.2	1.7	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	42.8	5,322	8.0	2.2	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	53.2	3,360	15.8	3.1	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	19.1	1,747	10.9	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	21.3	2,366	9.0	1.5	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	147.9	20,202	7.3	1.4	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.6	-370	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	89.9	18,132	5.0	1.4	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	93.0	5,428	17.1	4.5	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

